

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN  
HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 34

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Xuân Phong	Chủ tịch, Bổ nhiệm từ ngày 06/04/2018
Ông Trần Tấn Tâm	Chủ tịch, Miễn nhiệm từ ngày 06/04/2018
Ông Thái Bá Nam	Phó Chủ tịch, Miễn nhiệm từ ngày 30/10/2018
Ông Nguyễn Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Văn Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Quốc Anh	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban
Ông Phạm Trọng Vinh	Thành viên
Ông Lê Vĩnh Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phú Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hiền	Kế toán trưởng

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các





Số: 7B/2019/BCKT-RSMMT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/01/2019 từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



A blue ink signature of Kim Văn Việt, located in the lower-right quadrant of the page.

**Trần Dương Nghĩa**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1309-2018-026-1

**Kim Văn Việt**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1486-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Chi nhánh Miền Trung**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2019

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>184.884.005.722</b>	<b>177.780.367.019</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.585.247.090</b>	<b>9.455.397.859</b>
1. Tiền	111	4.1	9.785.247.090	1.386.449.248
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	8.068.948.611
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	<b>107.835.768.104</b>	<b>92.202.264.857</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.957.748.143	11.957.748.143
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		95.878.019.961	80.244.516.714
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.062.378.825</b>	<b>15.148.622.739</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	10.640.112.775	13.655.183.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.208.889.403	1.250.139.403
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	4.816.619.938	1.846.542.851
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(14.700.417.392)	(14.700.417.392)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.6	13.097.174.101	13.097.174.101
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>47.313.208.494</b>	<b>56.429.259.362</b>
1. Hàng tồn kho	141		50.530.429.407	61.703.721.360
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.217.220.913)	(5.274.461.998)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.087.403.209</b>	<b>4.544.822.202</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	348.102.137	34.875.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.674.528.619	4.454.600.263
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	64.772.453	55.346.939
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.167.915.016</b>	<b>9.895.051.387</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.843.525.317</b>	<b>2.694.488.705</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.493.525.317	2.344.488.705
Nguyên giá	222		55.565.503.665	55.565.503.665
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.071.978.348)	(53.221.014.960)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	350.000.000	350.000.000
Nguyên giá	228		694.370.036	694.370.036
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(344.370.036)	(344.370.036)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.324.389.699</b>	<b>7.200.562.682</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	185.419.205	61.592.188
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.11	7.138.970.494	7.138.970.494
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>194.051.920.738</b>	<b>187.675.418.406</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>72.313.424.011</b>	<b>60.861.311.321</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.313.424.011</b>	<b>60.861.311.321</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	2.630.648.455	1.092.205.684
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.217.327.349	4.358.434.308
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	15.371.042.761	16.893.126.162
4. Phải trả người lao động	314		4.490.426.139	8.903.223.756
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	22.893.270.592	22.820.632.631
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	637.997.401	693.162.271
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	4.312.360.247	2.533.477.345
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	17.500.000.000	3.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		260.351.067	567.049.164
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>121.738.496.727</b>	<b>126.814.107.085</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>121.738.496.727</b>	<b>126.814.107.085</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.404.233.622	6.404.233.622
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.334.263.105	20.409.873.463
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.375.873.463	470.577.039
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.958.389.642	19.939.296.424
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>194.051.920.738</b>	<b>187.675.418.406</b>



Nguyễn Phú Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thơi  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	190.311.640.008	390.296.083.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.311.640.008	390.296.083.240
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	149.593.412.505	338.743.392.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.718.227.503	51.552.690.898
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.830.207.625	3.967.106.189
7. Chi phí tài chính	22	5.4	181.370.078	(6.855.132.913)
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>121.567.708</i>	<i>478.548.188</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	8.377.375.495	12.824.852.934
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	22.878.404.610	24.723.427.067
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.111.284.945	24.826.649.999
11. Thu nhập khác	31	5.7	162.361.380	120.299.411
12. Chi phí khác	32	5.8	188.463.351	18.312.502
13. Lợi nhuận khác	40		(26.101.971)	101.986.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.085.182.974	24.928.636.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	3.126.793.332	5.409.337.184
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(419.996.700)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.958.389.642	19.939.296.424
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	1.196	1.791
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.12	1.196	1.791



Nguyễn Phú Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thơi  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		207.044.765.654	433.415.794.638
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(142.131.370.311)	(312.417.647.588)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.399.282.203)	(21.428.100.625)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(94.718.393)	(485.089.433)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.778.320.837)	(3.778.377.322)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.740.964.836	3.648.581.692
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.606.372.764)	(46.023.730.565)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.775.665.982</b>	<b>52.931.430.797</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	70.127.273
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(155.082.012.128)	(54.374.993.663)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		139.448.508.881	20.129.536.025
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.403.878.668	3.558.937.425
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.229.624.579)</b>	<b>(30.616.392.940)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	33.961.110.879	125.941.600.868
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(19.461.110.879)	(134.515.095.868)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.896.073.700)	(5.455.911.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(396.073.700)</b>	<b>(14.029.406.800)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>2.149.967.703</b>	<b>8.285.631.057</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.455.397.859	1.169.802.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(20.118.472)	(35.496)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>11.585.247.090</b>	<b>9.455.397.859</b>



Nguyễn Phú Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thơi  
Người lập biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội - Doanh nghiệp Nhà nước, thành viên của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam, được thành lập lại theo Quyết định số 251-TS/QĐ-TC ngày 31 tháng 3 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Năm 2006, Công ty đã thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 743/QĐ-BTS ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thủy sản về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội và chính thức hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102848 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 04 năm 2017, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 100.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	Việt Nam	59.340.000.000	59,34	59.340.000.000	59,34
Các cổ đông khác		40.660.000.000	40,66	40.660.000.000	40,66
<b>Cộng</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 223 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 237).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất xuất khẩu và Thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa, hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tổ chức và kinh doanh các sự kiện hội thảo và hội nghị;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản các sản phẩm từ thịt;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn các loại sản phẩm, hóa chất cho ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản. Bán buôn hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng chuyên doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ sắt thép và kim loại khác; Bán lẻ hạt nhựa và sản phẩm từ hạt nhựa;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường không;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội – Xí nghiệp chế biến Thủy sản Xuân Thủy	Xóm 11, Xã Xuân Vinh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội - Xí nghiệp chế biến Thủy đặc sản Xuất khẩu Hà Nội	Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội - Xí nghiệp giao nhận Thủy sản xuất khẩu Hải Phòng	Số 77 Lê Lai, Phường Mây Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội tại Quảng Ninh (Đang làm thủ tục giải thể)	Số 68 Triều Dương, Phường Trần Phú, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2018</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	5 – 7 năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng không thời hạn thì không trích khấu hao.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.13. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

**3.18. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **Thuế giá trị gia tăng:**

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% hoặc không phải kê khai tính nộp thuế GTGT đối với hoạt động bán hải sản trong nước chỉ qua sơ chế;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các hoạt động mua bán trong nước khác.

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.19. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.21. Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi thanh toán, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư tài chính, khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		426.524.000		315.167.300
Tiền gửi ngân hàng		9.358.723.090		1.071.281.948
+ VND		1.112.410.681		1.033.370.428
+ USD	356.135,28 #	8.246.312.409	1.672,69 #	37.911.520
<b>Cộng</b>		<b>9.785.247.090</b>		<b>1.386.449.248</b>

**4.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018				Tại ngày 01/01/2018			
	SL cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	SL cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Chứng khoán kinh doanh:</b>								
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.498.816	9.700.360.000	29.901.379.200	-	926.242	9.700.360.000	37.975.922.000	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	308.781	2.257.388.143	4.338.373.050	-	308.781	2.257.388.143	3.906.079.650	-
		<b>11.957.748.143</b>	<b>34.239.752.250</b>	<b>-</b>		<b>11.957.748.143</b>	<b>41.882.001.650</b>	<b>-</b>

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	95.878.019.961	95.878.019.961	80.244.516.714	80.244.516.714
<b>Cộng</b>	<b>95.878.019.961</b>	<b>95.878.019.961</b>	<b>80.244.516.714</b>	<b>80.244.516.714</b>

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong năm tăng thêm 572.574 cổ phiếu là do được chia cổ tức bằng cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty CP Chế biến thủy sản Xuất khẩu Hạ Long	3.851.049.841	6.631.383.764
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh	2.326.960.000	2.536.920.000
Các đối tượng khác	4.462.102.934	4.486.880.012
<b>Cộng</b>	<b>10.640.112.775</b>	<b>13.655.183.776</b>

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược	3.336.165.500	-	674.751.000	-
Lãi dự thu	1.201.511.729	-	842.474.533	-
Tạm ứng	194.081.446	-	327.869.713	-
Các khoản phải thu khác	84.861.263	-	1.447.605	-
<b>Cộng</b>	<b>4.816.619.938</b>	<b>-</b>	<b>1.846.542.851</b>	<b>-</b>

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	869.038.977	-	Trên 3 năm	869.038.977	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thanh Trì	394.353.888	-	Trên 3 năm	394.353.888	-	Trên 3 năm
DNTN Nguyễn Quy - Bến Tre	207.119.676	-	Trên 3 năm	207.119.676	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thanh An	132.730.750	-	Trên 3 năm	132.730.750	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.603.243.291</b>	<b>-</b>		<b>1.603.243.291</b>	<b>-</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng tồn kho (*)	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101
<b>Cộng</b>	<b>13.097.174.101</b>	<b>13.097.174.101</b>	<b>13.097.174.101</b>	<b>13.097.174.101</b>

(\*) Là giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HDGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Thái Sơn theo hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tính đến hết năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho toàn bộ giá trị lô thép này.

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.438.183.975	-
Nguyên liệu, vật liệu	622.041.700	-	541.958.642	-
Công cụ, dụng cụ	315.709.691	-	357.386.674	-
Thành phẩm	11.809.907.971	1.607.720.000	11.940.715.529	1.621.260.000
Hàng hóa	37.782.770.045	1.609.500.913	46.425.476.540	3.653.201.998
<b>Cộng</b>	<b>50.530.429.407</b>	<b>3.217.220.913</b>	<b>61.703.721.360</b>	<b>5.274.461.998</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018 là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2018 là 0 đồng.

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa	348.102.137	34.875.000
<b>Cộng</b>	<b>348.102.137</b>	<b>34.875.000</b>
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa	122.456.828	47.592.188
Chi phí trả trước khác	62.962.377	14.000.000
<b>Cộng</b>	<b>185.419.205</b>	<b>61.592.188</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**  
 Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tài, truyền dẫn VND	T/bi, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	28.768.471.667	20.050.770.227	6.584.801.711	161.460.060	55.565.503.665
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>28.768.471.667</b>	<b>20.050.770.227</b>	<b>6.584.801.711</b>	<b>161.460.060</b>	<b>55.565.503.665</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	27.292.305.447	19.182.447.742	6.584.801.711	161.460.060	53.221.014.960
Khấu hao trong năm	290.208.072	560.755.316	-	-	850.963.388
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>27.582.513.519</b>	<b>19.743.203.058</b>	<b>6.584.801.711</b>	<b>161.460.060</b>	<b>54.071.978.348</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	1.476.166.220	868.322.485	-	-	2.344.488.705
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.185.958.148</b>	<b>307.567.169</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.493.525.317</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 49.472.427.252 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyên sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	455.343.236	239.026.800	694.370.036
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>455.343.236</b>	<b>239.026.800</b>	<b>694.370.036</b>
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2018	105.343.236	239.026.800	344.370.036
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>105.343.236</b>	<b>239.026.800</b>	<b>344.370.036</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	350.000.000	-	350.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>350.000.000</b>	<b>-</b>	<b>350.000.000</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 344.370.036 đồng.

**4.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thuế suất Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.138.970.494	7.138.970.494
<b>Cộng</b>	<b>7.138.970.494</b>	<b>7.138.970.494</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 9	1.101.187.500	1.101.187.500	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú	1.026.700.000	1.026.700.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải Phi Châu	-	-	248.794.920	248.794.920
Các đối tượng khác	502.760.955	502.760.955	843.410.764	843.410.764
<b>Cộng</b>	<b>2.630.648.455</b>	<b>2.630.648.455</b>	<b>1.092.205.684</b>	<b>1.092.205.684</b>

**4.13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	61.224.708	299.493.920	1.679.179.056	1.698.319.151	44.612.610	302.021.917
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.956.664.039	3.956.664.039	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	984.051	984.051	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.107.546.508	3.126.793.332	4.778.320.837	-	2.759.074.013
Thuế thu nhập cá nhân	3.547.745	239.950.455	850.304.939	753.792.800	10.734.329	150.624.900
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.210.410.189	13.083.145.972	13.060.600.108	-	12.187.864.325
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	1.513.641.689	80.958.453	60.857.771	-	1.493.541.007
<b>Cộng</b>	<b>64.772.453</b>	<b>15.371.042.761</b>	<b>22.778.029.842</b>	<b>24.309.538.757</b>	<b>55.346.939</b>	<b>16.893.126.162</b>

**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Trích tiền thuê đất	22.722.244.177	22.722.244.177
Lãi vay phải trả	26.849.315	-
Các khoản chi phí trích trước khác	144.177.100	98.388.454
<b>Cộng</b>	<b>22.893.270.592</b>	<b>22.820.632.631</b>

**4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	637.997.401	693.162.271
<b>Cộng</b>	<b>637.997.401</b>	<b>693.162.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	30.240.700	43.123.070
BHXH, BHYT, BHTN	-	27.021.104
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Phải trả cổ tức	335.245.700	231.319.400
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	3.779.197.380	2.064.337.304
<b>Cộng</b>	<b>4.312.360.247</b>	<b>2.533.477.345</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUY SÀN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (*)	17.500.000.000	17.500.000.000	21.853.845.000	7.353.845.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	-	-	12.107.265.879	12.107.265.879	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>33.961.110.879</b>	<b>19.461.110.879</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	100.000.000.000	5.904.233.622	7.400.577.039	113.304.810.661
Lãi trong năm trước	-	-	19.939.296.424	19.939.296.424
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Trích Thủ lao HĐQT và BKS	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	6.404.233.622	20.409.873.463	126.814.107.085
Lãi trong năm nay	-	-	11.958.389.642	11.958.389.642
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Chia cổ tức năm trước (*)	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích Thủ lao HĐQT và BKS (*)	-	-	(834.000.000)	(834.000.000)
Tạm chia cổ tức năm nay (**)	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	<u>100.000.000.000</u>	<u>8.404.233.622</u>	<u>13.334.263.105</u>	<u>121.738.496.727</u>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết ĐHCĐ số số 106/NQ-TSHN-ĐHCĐ ngày 06/04/2018.

(\*\*) Công ty tạm chia cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 291/NQ-TSHN-HĐQT ngày 29/10/2018 với tỷ lệ 5%/cổ phần.

**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	59.340.000.000	59.340.000.000
Các cổ đông khác	40.660.000.000	40.660.000.000
<b>Cộng</b>	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

**4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.18.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2018 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**4.18.5. Cổ tức**

Nghị quyết ĐHCĐ số 106/NQ-TSHN-ĐHCĐ ngày 06/04/2018 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương đương: 10.000.000.000 đồng).

Nghị quyết HĐQT số 291/NQ-TSHN-HĐQT ngày 29/10/2018 đã thông qua phương án tạm chia cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ (tương đương: 5.000.000.000 đồng).

**4.19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

ĐVT	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2017
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
+ Tiền gửi ngân hàng (USD)	356.135,28	1.672,69
<b>Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:</b>		
+ Tôm đồ Argentina nhập khẩu còn vỏ đông lạnh	Kg 34.665,00	16.890,00
+ Mực ống NC đông lạnh (Baby)	Kg 10.120,00	4.000,00
+ Cá Cơm nguyên con	Kg -	8.940,00
+ Cá Nhồng đỏ nguyên con	Kg -	9.228,00
+ Giấm	Kg -	41,36
+ Mirin	Kg -	289,20
+ Sake	Kg -	306,00
+ Nước tương	Kg 641,50	362,10
+ Táo biển	Kg -	30,00
+ Màng co	Kg 3.242,60	2.791,10
+ Tem dán túi	Cái 17.500,00	40.000,00
+ Tấm lót thấm nước	Cái -	837,70
+ Túi hấp thụ oxy - 30	Cái -	262,06
+ Túi hấp thụ oxy - 50	Cái -	162,00
+ Túi pa hút CK	Cái -	568,79
+ Gia vị sốt nâu hương vị cá bào	Kg 77,30	-
+ Gia vị màu điều	Kg 49,76	-
+ Gia vị màu vàng cam đậm	Kg 11,80	-
+ Trứng cá Trich	Kg 4.901,00	-
+ Tôm thủy tinh Nhật bản NCĐL	Kg 4.000,00	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.311.640.008	390.296.083.240
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	135.828.672.327	332.086.934.466
- Doanh thu dịch vụ khác	54.482.967.681	58.209.148.774
<b>Cộng</b>	<b>190.311.640.008</b>	<b>390.296.083.240</b>

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	129.005.302.601	318.111.383.283
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.645.350.989	23.461.281.875
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.057.241.085)	(2.829.272.816)
<b>Cộng</b>	<b>149.593.412.505</b>	<b>338.743.392.342</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.762.915.864	3.797.451.017
Lãi chênh lệch tỷ giá	67.291.761	169.655.172
<b>Cộng</b>	<b>5.830.207.625</b>	<b>3.967.106.189</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	121.567.708	478.548.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá	59.802.370	37.420.499
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(7.371.101.600)
<b>Cộng</b>	<b>181.370.078</b>	<b>(6.855.132.913)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	4.184.494.088	7.706.968.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.183.690.231	4.037.140.977
Chi phí bằng tiền khác	1.009.191.176	1.080.743.088
<b>Cộng</b>	<b>8.377.375.495</b>	<b>12.824.852.934</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.577.033.952	8.265.202.700
Thuế, phí và lệ phí	12.868.571.476	8.096.371.300
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.099.983.500
Các chi phí QLDN khác	6.432.799.182	6.261.869.567
<b>Cộng</b>	<b>22.878.404.610</b>	<b>24.723.427.067</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	70.127.273
Tiền phạt thu được	-	8.394.071
Các khoản khác	162.361.380	41.778.067
<b>Cộng</b>	<b>162.361.380</b>	<b>120.299.411</b>

**5.8. Chi phí khác**

	<b>Năm 2018</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	188.461.157	18.065.511
Chi phí khác	2.194	246.991
<b>Cộng</b>	<b>188.463.351</b>	<b>18.312.502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.860.818.509	20.871.630.030
Chi phí nhân công	17.755.049.562	26.519.521.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	850.963.388	1.292.169.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.221.766.398	9.126.535.506
Chi phí khác bằng tiền	7.066.207.002	6.163.880.389
<b>Cộng</b>	<b>49.754.804.859</b>	<b>63.973.736.649</b>

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay	15.085.182.974	24.928.636.908
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.680.092.553)	2.118.049.011
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	231.949.221	2.118.049.011
- Chi phí dự phòng HTK thiếu chờ xử lý	-	2.099.983.500
- Chi phí phạt thuế, phạt hành chính khác	179.861.157	18.065.511
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.088.064	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước chưa thực hiện	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	1.912.041.774	-
- Điều chỉnh giảm Thu nhập theo BB Thuế	141.411.705	-
- Điều chỉnh giảm Chi phí lương năm trước	1.770.630.069	-
Tổng thu nhập tính thuế năm nay	13.405.090.421	27.046.685.919
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.126.793.332</b>	<b>5.409.337.184</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	2.681.018.084	5.409.337.184
- Truy thu thuế TNDN	31.447.811	-
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm trước	414.327.437	-

**5.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty	11.958.389.642	19.939.296.424
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS	-	2.034.000.000
Lãi/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.958.389.642	17.905.296.424
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.196</b>	<b>1.791</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông Công ty	11.958.389.642	19.939.296.424
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS	-	2.034.000.000
Lãi/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.958.389.642	17.905.296.424
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.196</b>	<b>1.791</b>

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ này).

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được tính lại từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT, BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 106/NQ-TSHN-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2018.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33.961.110.879	125.941.600.868
<b>Cộng</b>	<b>33.961.110.879</b>	<b>125.941.600.868</b>

**6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	19.461.110.879	134.515.095.868
<b>Cộng</b>	<b>19.461.110.879</b>	<b>134.515.095.868</b>

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tài ngày 31/12/2018 VND	Tài ngày 01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.585.247.090	9.455.397.859
Phải thu khách hàng	10.245.758.887	13.260.829.888
Các khoản đầu tư ngắn hạn	107.835.768.104	92.202.264.857
Phải thu khác	4.622.538.492	1.518.673.138
<b>Cộng</b>	<b>134.289.312.573</b>	<b>116.437.165.742</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	17.500.000.000	3.000.000.000
Phải trả người bán	2.630.648.455	1.092.205.684
Chi phí phải trả	22.893.270.592	22.820.632.631
Phải trả khác	4.282.119.547	2.463.333.171
<b>Cộng</b>	<b>47.306.038.594</b>	<b>29.376.171.486</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Các khoản Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	17.500.000.000	29.806.038.594	47.306.038.594
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>29.806.038.594</b>	<b>47.306.038.594</b>
	Vay và nợ VND	Các khoản Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	3.000.000.000	26.376.171.486	29.376.171.486
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>26.376.171.486</b>	<b>29.376.171.486</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. BÁO CÁO BỘ PHẬN***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ. Tuy nhiên, doanh thu chính của Công ty đến từ hoạt động bán hàng hóa và thành phẩm. Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn

Cùng Công ty mẹ

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày 31/12/2018 số dư với các bên liên quan kể trên như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả người bán:		
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Năm Căn	1.101.187.500	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.12</b>	<b>1.101.187.500</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Trả cổ tức		
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	8.901.000.000	3.263.700.000
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	24.684.556.500	23.002.187.500

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao HĐQT và BKS	549.000.000	564.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.153.286.500	1.178.694.500
<b>Cộng</b>	<b>1.702.286.500</b>	<b>1.742.694.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN HÀ NỘI**

Địa chỉ: 20 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):


	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – xem thêm TM số 5.11	1.791	1.994
Lãi suy giảm trên cổ phiếu – xem thêm TM số 5.12	1.791	1.994


Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 106/NQ-TSHN-ĐHCĐ ngày 06/04/2018.


**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



  
Nguyễn Phú Cường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2019

  
Trần Thị Hiền  
Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Thoir  
Người lập